

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-PT

Ngày 26/6/2019

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng
Bà Trần Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiêm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:
Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 02/4/2019 của Tòa án nhân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn L ngày 19/8/2014, khi cưới có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V. Trong quá trình chung sống vợ chồng có thời gian hòa thuận nay có 02 con chung. Đến giữa năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không có sự hòa hợp về tính tình nên hay xảy ra đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 23/5/2014 và Nguyễn Phương L, sinh ngày 22/10/2015 nay hai con đang ở với anh L, đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn chị nhận nuôi cả hai con chung của vợ chồng, nếu không được nuôi cả hai con chị đề nghị được nuôi con là Nguyễn Phương L và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Q trên cơ sở tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra cãi nhau, anh bảo chị Q nhiều lần nhưng chị Q không nghe. Nay chị Q xin ly hôn anh, anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 23/5/2014 và Nguyễn Phương L, sinh ngày 22/10/2015 nay hai con đang ở với anh, đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn anh nhận nuôi cả hai con chung của vợ chồng, nếu không được nuôi cả hai con anh đề nghị được nuôi con là Nguyễn Thị Kim A và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng.

Về tài sản: Anh yêu cầu ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 ở Thôn N, xã N phải trả anh 01 chiếc xe mô tô quy ra tiền là 10.000.000đ, xe này mua khi vợ chồng vẫn chung sống với nhau, nhưng là tiền của riêng anh, khi giao xe cho bố để anh quản lý thì ông T đến mượn sau đó ông T bán cho người khác.

Ngoài ra, vợ chồng còn nợ tiền khi vay đi nước ngoài của chị Nguyễn Thị Thu T ở thôn Đ, thị trấn B, huyện V. Số tiền vay 110.000.000đồng, anh không nhớ ngày vay, chỉ nhớ vay tháng 7/2017, khi vay không có giấy tờ, lúc vay là bố mẹ anh đứng ra vay cho vợ chồng nộp tiền đi lao động xuất khẩu ở Đài Loan. Thực tế vợ chồng chỉ nghe thấy bố mẹ nói chuyện chứ vợ chồng không được chứng kiến việc giao nhận tiền. Sau khi vay xong vợ chồng đi nước ngoài và đã gửi về cho bố để anh để trả nợ chị T được 50.000.00đồng, nay còn nợ 60.000.000đồng. Anh xác định số nợ chị T là nợ chung của vợ chồng. Sau khi ly hôn anh yêu cầu một mình chị Q phải chịu trách nhiệm đứng ra trả chị T, vì khi

anh ở nước ngoài về đã đứng ra trả bà ngoại anh số tiền 40.000.000 đồng vay để hai vợ chồng đi nước ngoài. Ngoài ra vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Ruộng canh tác không có vướng mắc gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Q giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh L và đề nghị được nuôi con chung là Nguyễn Phương L và không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Anh L nhất trí ly hôn chị Q và đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng. Anh tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu đối với ông T về chiếc xe máy ông T đã bán của anh.

Anh yêu cầu chị Q phải có nghĩa vụ trả chị T số tiền 60.000.000 đồng.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 02/4/2019 của Tòa án nhân huyện V đã áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 59, 60, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí; Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Q được nuôi con chung của vợ chồng là Nguyễn Phương L, sinh ngày 22/10/2015; giao cho anh Nguyễn Văn L được nuôi con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 23/5/2014. Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Q và anh L thực hiện quyền này.

-Về tài sản: Chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L: Đình chỉ phần yêu cầu của anh Nguyễn Văn L đối với ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

Tách yêu cầu của anh Nguyễn Văn L yêu cầu chị Nguyễn Thị Q trả chị Nguyễn Thị Thu T số tiền 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng) để giải quyết bằng vụ kiện khác khi chị T có đơn yêu cầu và nộp tạm ứng án phí theo quy định.

-Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 05100 ngày 16/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. (Xác nhận chị Q đã nộp đủ án phí).

Trả lại anh Nguyễn Văn L số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 05139 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Ngoài ra, bản án còn quyết định quyền kháng cáo cho các đương sự, quyền thi hành án cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/4/2019 anh Nguyễn Văn L kháng cáo bản án về phần giải quyết con chung và công nợ chung, cùng ngày anh L nộp tiền tạm ứng phí dân sự phúc thẩm. Anh L kháng cáo đề nghị xem xét lại phần giải quyết con chung và công nợ của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn L không rút đơn kháng cáo. Do vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên không thỏa thuận được vụ án.

Anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm về phần giải quyết con chung và công nợ. Tại phiên tòa anh xin rút kháng cáo về phần giải quyết công nợ của bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo về phần giải quyết con chung. Lý do anh kháng cáo đề nghị được nuôi hai con chung vì: Hiện hai con chung vẫn đang ở cùng anh, do anh chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Q từ khi đi nước ngoài lao động về năm 2017 đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở gần nhà anh nhưng không trông nom con, con ốm cũng không sang thăm. Hiện nay anh ở cùng bố mẹ anh, anh có điều kiện và thời gian chăm con, bố mẹ anh cũng hỗ trợ anh chăm sóc các con, anh hiện lái xe giao hàng thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/1 tháng, có đủ điều kiện nuôi hai con chung, nếu được nuôi hai con anh không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung. Anh đề nghị Tòa xem xét kháng cáo của anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T đã có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn anh Nguyễn Văn L có mặt tại phiên tòa chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đối với kháng cáo của anh L về công nợ, tại phiên tòa anh L rút kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm về giải quyết công nợ của bản án sơ thẩm.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội

đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Q, ông T.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị Q khởi kiện xin ly hôn anh L đồng ý. Bản án sơ thẩm đã công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Q và anh L. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về nuôi con chung: chị Q, anh L có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 23/5/2014 và Nguyễn Phương L, sinh ngày 22/10/2015. Bản án sơ thẩm giao cho chị Q nuôi con chung Nguyễn Phương L, anh L nuôi con chung Nguyễn Thị Kim A. Chị Q và anh L hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh L kháng cáo đề nghị được nuôi hai con chung. Xét kháng cáo của anh L Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm anh L trình bày hiện hai con chung do anh nuôi dưỡng, chăm sóc, chị Q bỏ về nhà bố mẹ ở từ năm 2017 không thăm nom con chung, không quan tâm đến con. Anh hiện tại có thu nhập 10 triệu đồng/1 tháng, có điều kiện và thời gian chăm sóc con. Chị Q không đủ điều kiện nuôi con chung là cháu Nguyễn Phương L nhưng anh L không xuất trình được chứng cứ chứng minh chị Q không đủ điều kiện nuôi con chung. Bản án sơ thẩm căn cứ vào điều kiện và nguyện vọng nuôi con của chị Q và anh L để giao cho chị Q nuôi con chung Nguyễn Phương L, anh L nuôi con chung Nguyễn Thị Kim A là đảm bảo quyền và lợi ích của con chung. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần giải quyết nuôi con chung.

[4].Về công nợ: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn L đã tự nguyện rút kháng cáo. Hội đồng xét xử thấy việc rút kháng cáo của anh L là tự nguyện không bị ép buộc và phù hợp quy định pháp luật. Nên căn cứ khoản 3 Điều 289, khoản 3 Điều 298, khoản 5 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Văn L về phần giải quyết công nợ của bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Nguyễn Văn L không được chấp nhận nên anh L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần giải quyết nuôi con chung.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 148, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí; Xử:

- **Về nuôi con chung:** Giao cho chị Nguyễn Thị Q được nuôi con chung Nguyễn Phương L, sinh ngày 22/10/2015; giao cho anh Nguyễn Văn L được nuôi con chung Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 23/5/2014. Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Q và anh L thực hiện quyền này.

- **Về công nợ:** Căn cứ khoản 3 Điều 289, khoản 3 Điều 298, khoản 5 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Văn L về phần giải quyết công nợ của bản án sơ thẩm.

- **Về án phí dân sự phúc thẩm:** anh Nguyễn Văn L phải phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2012/05362 ngày 17/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang. (Xác nhận anh L đã nộp đủ án phí).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã N, huyện V;
- Dương sự;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền

